

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NẬM NHÙN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12/11/2019

V/v “ Xin ly hôn ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Lý Đức Hiệp**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Đinh Thị Thi**

2. Bà: **Lò Thị Chương**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông: **Đổng Văn Dũng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn tham gia phiên tòa:* Bà: **Hoàng Thị Ngọc Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2019/TLST- HNGĐ ngày 21/06/2019 về việc “ xin Ly hôn ”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự sau:

1. *Nguyên đơn:* Chị: **Lù Thị M** (Lù Thị M) - Sinh năm 1986

Địa chỉ: Bản Phiêng Luông I, xã Nậm Hàng, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh: **Mào Văn Tr** - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Bản Phiêng Luông I, xã Nậm Hàng, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lù Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mào Văn Tr kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Hàng, huyện Mường Tè (cũ), nay là huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu vào

ngày 15/06/2005. Anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, chị và anh Tr chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 2 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Triệu không chăm lo cho gia đình, đi vào con đường nghiện hút, thường xuyên chửi bới đánh đập vợ con. Chị M nhận thấy tình cảm giữa chị và anh Tr không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mào Văn Tr.

Về con chung: Chị Lù Thị M và anh Mào Văn Tr có 02 (hai) con chung là cháu Mào Thị Kiều A, sinh ngày 05/05/2005 và cháu Mào Ngọc Á, sinh ngày 17/5/2008. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai con, cháu Mào Thị Kiều A và cháu Mào Ngọc Á đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Mào Văn Tr: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Toà án cho anh Mào Văn Tr: như Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Tr đã từ chối, né tránh không ký vào các biên bản của Tòa án, không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nên Toà án không thể tiến hành lấy lời khai và hoà giải được hai bên. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử tổng đạt cho anh Mào Văn Tr nhưng anh Mào Văn Tr vẫn từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, Tòa án đã tiến hành mời trưởng bản để chứng kiến và lập biên bản về việc anh Mào Văn Tr từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và anh Mào Văn Tr cũng không có văn bản trả lời về việc chị Lù Thị M có đơn xin ly hôn và việc nuôi con khi ly hôn. Vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lù Thị M vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr và giải quyết quan hệ con chung theo nội dung đơn xin ly hôn của chị M đã trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35; 39; khoản 4 Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có mặt.

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Chị Lù Thị M (*Lù Thị M*) được ly hôn anh Mào Văn Tr.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Mào Thị Kiều A, sinh ngày 05/05/2005 và Mào Ngọc Á, sinh ngày 17/5/2008. Khi ly hôn chị Lù Thị M đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị Lù Thị M có việc làm, có thu nhập ổn định, từ khi hai cháu sinh ra đến nay, chị Lù Thị M là người nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Mào Thị Kiều A và Mào Ngọc Á cho chị Lù Thị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Mào Văn Tr không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Lù Thị M không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Việc chị Lù Thị M khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh Mào Văn Tr, xét yêu cầu khởi kiện của chị M là hoàn toàn đúng pháp luật nên chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Anh Mào Văn Tr đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án giải quyết việc ly hôn nhưng anh Tr cố tình không đến, tuy nhiên Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay anh Tr vắng mặt, đây là lần thứ hai nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Mào Văn Tr.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của chị M, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lù Thị M và anh Mào Văn Tr tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Nậm Hàng, huyện Nậm Nhùn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/6/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Chị M và anh Tr cư trú tại bản Phiêng Luông I, xã Nậm Hàng, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên khi tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án thì anh Tr từ chối, né tránh mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng được. Về mâu thuẫn vợ chồng thì quá trình chung sống tại địa phương, anh Tr và chị M có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Tr nghiện ma túy, lười lao động, chị M và anh Tr đã ly thân mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh Tr xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị M xin ly hôn với anh Tr là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Lù Thị M và anh Mào Văn Tr có 02 (hai) con chung là cháu Mào Thị Kiều A, sinh ngày 05/05/2005 và cháu Mào Ngọc Á, sinh ngày 17/5/2008. Xét yêu cầu của chị M là xin nuôi con và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy chị M có việc làm ổn định, có thu nhập đủ điều kiện để nuôi con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M, giao con chung Mào Thị Kiều A, sinh ngày 05/05/2005 và cháu Mào Ngọc Á, sinh ngày 17/5/2008 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Tr có quyền đi lại, thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[2.4] Về án phí: Chị Lù Thị M phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35; 39; khoản 4 Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Chị Lù Thị M (*Lù Thị M*) được ly hôn anh Mào Văn Tr.

2. Về con chung: Giao con chung Mào Thị Kiều A, sinh ngày 05/05/2005 và Mào Ngọc Á, sinh ngày 17/5/2008 cho chị Lù Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Mào Văn Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Lù Thị M không yêu cầu. Anh Mào Văn Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lù Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng chị M đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2010/0002986 ngày 19/06/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nậm Nhùn, chị Lù Thị M đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn;
- Chi cục thi hành án Dân sự huyện Nậm Nhùn;
- UBND xã Nậm Hàng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Đức Hiệp